

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **319/2019/HS-PT**

Ngày: 28/10/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 177/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo: **Lưu Hoàng V** về tội “*Tham ô tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1345/2019/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lưu Hoàng V, sinh năm 1981; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: 289 P, khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Phụ trách Phòng Bảo hiểm khu vực thị xã S, thuộc Công ty bảo hiểm P Phú Yên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình T, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị Thúy D, sinh năm 1931; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 03/10/2018; có mặt.

*** Những người bào chữa của bị cáo Lưu Hoàng V:**

1. Ông Ngô Minh T - Luật sư, Văn phòng Luật sư M và Cộng sự, thuộc Đoàn

Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: Khánh Hòa; có mặt.

2. Ông Nguyễn Hồng H – Luật sư Văn phòng luật sư N, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; Đại chỉ: Khánh Hòa; có mặt.

* *Người bị hại*: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (P). Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thùy T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên theo văn bản ủy quyền số 423/GUQ-TGD ngày 20/8/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P; có mặt.

* *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê K, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt .

2. Nguyễn Xuân V, sinh năm 1968. Nơi cư trú: xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt .

3. Huỳnh Thị Hoài K1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, vắng mặt .

4. Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1983. Nơi cư trú: phường Đ, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt .

5. Phan Thị Thu T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt .

6. Võ Đình T1, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt .

7. Lê Trúc P, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

8. Phùng Lệ Thúy D1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt .

9. Mai Tiến V1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt .

10. Hồ Thanh T2, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

11. Võ Văn H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

12. Hồ Thanh H1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

13. Trần Thị V2, sinh năm 1971. Nơi cư trú: xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt .

14. Nguyễn Tấn N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

15. Nguyễn Thị Túy V3, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

16. Mạch Thị Kim H3, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Khu phố Triều Sơn Đông, phường Đ, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

17. Ngô Tấn H4, sinh năm 1971. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

18. Ngô Văn H5, sinh năm 1978. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

19. Lê Thị Kim M, sinh năm 1972. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

20. Lê Thị Giang T4, sinh năm 1979. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

21. Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

22. Nguyễn Huy C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

23. Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Xuân Lộc, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

24. Trương Thị Kim H6, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

25. Trần Hữu D, sinh năm 1959. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

26. Nguyễn Thị Kim K1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

27. Huỳnh Thị Thúy D2, sinh năm 1961. Nơi cư trú: 289 P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

28. Lưu Hoàng V4, sinh năm 1989. Nơi cư trú: 289 P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

29. Võ Thị Mỹ N4, sinh năm 1966. Nơi cư trú: 296 P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

30. Phạm Trọng L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

31. Võ Thị Thùy T5, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty bảo hiểm P Phú Yên là đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần bảo hiểm P, hạch toán kế toán phụ thuộc, có con dấu và tài khoản riêng, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Ngày 30/03/2011, Công ty cổ phần bảo hiểm P ký hợp đồng lao động với Lưu Hoàng V. Ngày

01/04/2011, Giám đốc Công ty bảo hiểm P Phú Yên ra Quyết định bổ nhiệm Lưu Hoàng V phụ trách Phòng bảo hiểm khu vực thị xã S, tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định số 227 ngày 31/03/2011 của Công ty cổ phần bảo hiểm P phân công V có nhiệm vụ trực tiếp khai thác các dịch vụ bảo hiểm, theo dõi các dịch vụ đang được bảo hiểm hoặc được phân công quản lý; thu phí bảo hiểm và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tổn thất...

Từ tháng 06/2014 đến tháng 03/2016, Lưu Hoàng V ký 41 hợp đồng bán bảo hiểm xe ô tô với 24 khách hàng mua bảo hiểm với tổng số tiền phí bảo hiểm phải thu là 332.842.350 đồng. V đã thu được 323.195.350 đồng (có 02 trường hợp V chưa thu được phí bảo hiểm kỳ cuối của 02 khách hàng với số tiền 9.647.000 đồng). Theo điểm 8.2.3 Điều 8 Quy chế quản lý hóa đơn ấn chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 463/2006/QĐ-PJIC ngày 05/09/2006 của Công ty cổ phần bảo hiểm P thì chậm nhất ngày 10 tháng sau tiền phí bảo hiểm thu được phải nộp về cho Công ty bảo hiểm P. Tuy nhiên, V chỉ nộp về Công ty với số tiền 57.412.500 đồng, còn lại 265.782.850 đồng V lấy sử dụng. Để Công ty không phát hiện, sau khi thu được phí bảo hiểm, V không báo về Công ty, không xuất hóa đơn nên Công ty vẫn nghĩ là khách hàng chưa nộp phí hoặc những trường hợp khách hàng nộp tiền phí và yêu cầu xuất hóa đơn thì V không xuất hóa đơn để Công ty không biết mà lấy hóa đơn cũ tẩy xóa và nhờ người (V không nhớ họ tên cụ thể và người này không biết mục đích của V) ghi lại hóa đơn để V ký tên giao cho khách hàng.

Trong số tiền 265.782.850 đồng V không nộp về Công ty, có 32.621.836 đồng là tiền phí khai thác, hoa hồng V được hưởng. Ngoài ra, V sử dụng 6.500.000 đồng để làm biển hiệu cho Phòng bảo hiểm khu vực S; trả tiền điện nước, rác thải 2.250.000 đồng; chi bồi thường trước cho khách hàng 15.800.000 đồng. Các khoản tiền này, V chỉ không đúng thủ tục quy định nhưng có chi thực tế và được Công ty chấp nhận nên xem xét không xử lý về mặt hình sự. Còn lại 208.611.014 đồng V chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân.

Ngày 17/11/2016, Công ty bảo hiểm P Phú Yên tố cáo hành vi của V đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã S.

Ngày 02/04/2018, V nộp 275.429.950 đồng vào tài khoản Công ty để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P3 ngày 18/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Lưu Hoàng V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Hoàng V phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Lưu Hoàng V - 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018. Cấm bị cáo Lưu Hoàng V đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong các Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 25/3/2019, bị cáo Lưu Hoàng V có đơn kháng cáo, với nội dung: Một số số liệu Tòa án sơ thẩm chưa được làm rõ, không đồng ý Tòa án xét xử bị cáo về tội “tham ô tài sản” theo Điều 353 BLHS năm 2015, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo và quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Kháng cáo của bị cáo V đúng thời hạn được chấp nhận; về nội dung quan điểm Viện kiểm sát: Tòa án sơ thẩm có hai lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung về hành vi của bị cáo V có dấu hiệu về tội “ Tham ô tài sản” tuy nhiên bị cáo V chưa bị truy tố về tội danh này nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn xử về tội “Tham ô tài sản” là vi phạm quy định tại Điều 178 giới hạn của việc xét xử. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn chưa làm rõ về hành vi không nộp tiền và chậm nộp tiền. Do đó , đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 BLTTHS hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra truy tố xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Hoàng V: Luật sư Nguyễn Hồng Hà trình bày ý kiến bào chữa như sau: Về tội danh của bị cáo : Hành vi của bị cáo được bị cáo thừa nhận là phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 285 BLHS chứ không phải tội “Tham ô tài sản” .Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng xử phạt bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là không đúng pháp luật; về mức án phạt tù Tào án cấp sơ thẩm xử phạt 7 năm tù là quá nặng; đề nghị Tòa án phúc thẩm chuyển tội danh bị cáo là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xử dưới khung hình phạt giảm cho bị cáo mức án thấp nhất. Luật sư Ngô Minh Thành thống nhất ý kiến của luật sư Nguyễn Hồng Hà và đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù bằng thời hạn đã tạm giam bị cáo và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo Lưu Hoàng V thông nhất với lời bào chữa của hai Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển tội danh và giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Võ Thị Thùy Trang cho rằng: Theo quy định của Công ty thì sau khi ký kết hợp đồng bảo hiểm và nhận tiền của khách hàng thì trách nhiệm bảo hiểm đối với khách hàng đã phát sinh hiệu lực, anh V phải có trách nhiệm nộp tiền về Công ty chậm nhất là ngày 10 tháng sau, nhưng anh V đã không nộp mà sử dụng cá nhân khi Công ty phát hiện thì tìm cách gian dối để không trả, việc anh V phạm tội là đúng; tuy nhiên, sau khi sự việc phát hiện điều tra bị cáo V đã nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Công ty, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, xét kháng cáo của bị cáo Lưu Hoàng V, thấy:

[1.1] Công ty bảo hiểm P Phú Yên là đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần bảo hiểm P là doanh nghiệp sở hữu vốn góp của Nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Ngày 30/03/2011, Công ty cổ phần bảo hiểm P ký hợp đồng lao động với Lưu Hoàng V. Ngày 01/04/2011, Giám đốc Công ty bảo hiểm P Phú Yên ra Quyết định bổ nhiệm Lưu Hoàng V phụ trách Phòng bảo hiểm khu vực thị xã S, tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định số 227 ngày 31/03/2011 của Công ty cổ phần bảo hiểm P phân công V có nhiệm vụ trực tiếp khai thác các dịch vụ bảo hiểm, theo dõi các dịch vụ đang được bảo hiểm hoặc được phân công quản lý; thu phí bảo hiểm và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tổn thất. Theo quy định của Công ty, hàng ngày V có trách nhiệm báo cáo các thông tin liên quan đến việc bán bảo hiểm cho P Phú Yên, hàng tuần chậm nhất ngày 10 hàng tháng V phải nộp toàn bộ số tiền bán bảo hiểm về cho P Phú Yên. Từ tháng 06/2014 đến tháng 03/2016, lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao trong việc quản lý tài sản Lưu Hoàng V đã chiếm đoạt số tiền 208.611.950 đồng tiền bán bảo hiểm của nhiều khách hàng nhưng không nộp về P Phú Yên mà sử dụng cá nhân. Để Công ty không phát hiện, sau khi thu được phí bảo hiểm, V không báo về Công ty, không xuất hóa đơn nên Công ty vẫn nghĩ là khách hàng chưa nộp phí hoặc những trường hợp khách hàng nộp tiền phí và yêu cầu xuất hóa đơn thì V không xuất hóa để Công ty không biết mà lấy hóa đơn cũ tẩy xóa và nhờ người (V không nhớ họ tên cụ thể và người này không biết mục đích của V) ghi lại hóa đơn để V ký tên giao cho khách hàng. Hành vi của V cấu thành tội “Tham ô tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung đề nghị truy tố lại bị cáo Lưu Hoàng V về tội “Tham ô tài sản” và thông báo cho Viện Kiểm sát, bị cáo V và những người bào chữa biết (BL2035a), nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên vẫn giữ quan điểm truy tố V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 BLHS năm 2015, Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 01/3/2019

của TAND tỉnh Phú Yên đã ghi rõ bị cáo có thể bị xét xử về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS 2015. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử V về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2] Xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo, thấy: Sau khi bị phát hiện, bị cáo V đã khắc phục toàn bộ thiệt hại nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; mức hình phạt 7 năm tù Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo V, ý kiến đề nghị của đại diện hợp pháp cho người bị hại sửa bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù.

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lưu Hoàng V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lưu Hoàng V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên như sau:

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lưu Hoàng V **05 (năm) năm** tù, về tội: “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018. Cấm bị cáo Lưu Hoàng V đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế thời hạn 2 năm(hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lưu

Hoàng V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn